

KẾ HOẠCH
Thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2022 tỉnh Lào Cai

Để linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế theo Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 01/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai về phương hướng nhiệm vụ năm 2022, Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 tỉnh Lào Cai; căn cứ ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1347-TB/TU ngày 09/3/2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2022 tỉnh Lào Cai như sau:

I. MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2022

Hết quý I, dịch Covid-19 được khống chế, cả nước sống chung với dịch Covid; Tỉnh Lào Cai đã hoàn thành chiến dịch tiêm vắc xin trên địa bàn và cơ bản đã khống chế được dịch bệnh; giao thương khu vực biên giới được nối lại; dịch vụ du lịch bắt đầu khai thác khách quốc tế và đẩy mạnh thu hút khách nội địa, các ngành dịch vụ cơ bản được phục hồi, đạt mức tăng trưởng khá; các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện mạnh mẽ, quyết liệt đảm bảo hoàn thành vượt mức các mục tiêu theo Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021, đồng thời để góp phần bù đắp các chỉ tiêu không đạt được của Kế hoạch năm 2021, nên sẽ cố gắng phấn đấu dự kiến mục tiêu tăng trưởng đặt ra **đạt trên 12%**, cụ thể như sau:

1. Dự báo tình hình tác động đến phát triển kinh tế

a) Đối với ngành nông nghiệp: Về cơ bản, dịch Covid-19 không ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất (tuy nhiên có ảnh hưởng tới việc tiêu thụ sản phẩm ở một số thời điểm), dự kiến tốc độ tăng trưởng GTSX **theo giá so sánh 2010** của ngành nông nghiệp vẫn đạt mục tiêu tăng trưởng như kế hoạch đã đề ra (**5,26%**), cân đối cung - cầu nông sản vẫn đảm bảo.

b) Đối với ngành công nghiệp: Về cơ bản, dịch Covid-19 không ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất của ngành, dự kiến tốc độ tăng trưởng GTSX của ngành Công nghiệp so với năm 2021 là tương đối lớn khoảng **15,4%**. Phải đạt vượt kế hoạch đề ra ở mức giá trị sản xuất **công nghiệp theo giá so sánh 2010** trên **47.500** tỷ đồng. Cụ thể:

- Sản xuất công nghiệp - TTCN tiếp tục duy trì sản xuất với năng lực hiện có, trong đó có một số nhà máy vượt công suất; Cung cấp nguyên vật liệu đáp

ứng được cho nhu cầu sản xuất; Chính sách khuyến công phát huy hiệu quả hơn và nguồn vốn khuyến công được tăng thêm.

- Tình triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất DAP, gang thép; phốt pho vàng đã có thị trường tiêu thụ, giá bán tăng kéo theo nhu cầu nguyên liệu về quặng apatit tăng; tuyến đồng đã có giải pháp đảm bảo sản xuất liên tục.

- Nhà nước tiếp tục duy trì bảo hộ sản xuất trong nước đối với sản phẩm thép, phân bón tạo thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất trong tiêu thụ sản phẩm.

- Một số nhà máy như: nhà máy đồng Bản Qua hoạt động ổn định; Các nhà máy: nhà máy dệt may, phốt pho đỏ, axit điện tử (công suất 60.000 tấn/năm); axit photphoric nhiệt (công suất 6.600 tấn/năm), các nhà máy thủy điện...hoàn thành đi vào hoạt động góp phần cho tăng trưởng sản xuất công nghiệp.

- Một số dự án về dệt may của các nhà đầu tư nước ngoài theo dự kiến sản xuất và có sản phẩm xuất khẩu trong nửa cuối năm 2022 sẽ giúp nâng cao giá trị xuất nhập khẩu cho tỉnh Lào Cai (*do thực hiện nhập xơ, sợi từ Trung Quốc về dệt và cắt may để xuất khẩu sản phẩm sang các nước EU, Mỹ, Nhật,...- giá trị 6 tháng cuối năm 2022 ước đạt 75 triệu USD*).

- Dự án nhà máy luyện đồng Bản Qua và một số dự án sản xuất công nghiệp (phốt pho vàng, đồng,...) của các công ty Khoáng sản và luyện kim Việt - Trung; Công ty Cổ phần hóa chất Đức Giang được đẩy mạnh nâng cao công suất cũng góp phần gia tăng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu thông qua việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, than cốc, điện cực và xuất khẩu các sản phẩm như đồng catot, phốt pho vàng, phốt pho đỏ, phôi thép,...

- Ngoài các yếu tố thuận lợi nêu trên, có một số yếu tố bất lợi như các nguyên, nhiên vật liệu như xăng, dầu, than cốc, thép, máy móc, thiết bị có xu thế tăng cao sẽ tác động ảnh hưởng lớn đến sản xuất công nghiệp.

c) Đối với ngành xây dựng: Chính phủ đẩy mạnh thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2022-2023, trong đó lĩnh vực đầu tư công được quan tâm và chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện. Do vậy, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành xây dựng phấn đấu thực hiện các mục tiêu đảm bảo hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành trong năm 2022 các dự án như: Cầu Làng Giàng; Cầu bến cóc; Nâng cấp Tỉnh lộ 151 đoạn km 0 đến km 5; Cầu ngòi đường trên quốc lộ 4e; Nâng cấp Tỉnh lộ 158 đoạn km 23-km33; Kè Sông Hồng giai đoạn 2; San gạt mặt bằng tổ 11 phường Bắc Lệnh; Bệnh viện đa khoa huyện Bát Xát; Kè biên giới mốc 106; Trường cao đẳng Lào Cai (hạng mục nhà lớp học); Phân hiệu đại học Thái nguyên (hạng mục Nhà ký túc xá), Cải tạo, nâng cấp trường THPT số 2 Bảo Yên; Cải tạo, nâng cấp trường THPT số 1 Bát Xát.... Đồng thời, đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư để đưa vào khởi công một số dự án như: Tiểu khu đô thị số 16, Tiểu khu đô thị số 24, khu đô thị bắc cường 1, 2; Dự nâng cấp cải tạo đường 154, đường 160 và một số dự án khác ngoài quốc doanh. Qua đó, Tăng trưởng ngành xây dựng dự kiến cao hơn kịch bản 1 khoảng 2%, đạt trên 13%.

d) Đối với ngành dịch vụ

- Thương mại nội địa: Do dịch cơ bản đã được khống chế, độ phủ tiêm vắc xin toàn tỉnh đối với các tất cả các đối tượng đạt tỷ lệ cao. Từ quý II/2022 các hoạt động giao thương cơ bản trở lại trạng thái bình thường, các hoạt động thương mại tiếp tục sôi động, hoạt động kinh doanh dịch vụ tại các nhà hàng, khách sạn, cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh cũng tăng mạnh nhất là các dịp nghỉ Lễ 30/4, 01/5, 02/9, 20/10. Các hoạt động xúc tiến thương mại diễn ra theo đúng theo đúng Kế hoạch đề ra.

- Xuất nhập khẩu:

+ Quý I/2022, tốc độ thông quan hàng hóa tại khu vực cửa khẩu còn hạn chế do dịch bệnh, tổng giá trị xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh Lào Cai ước đạt gần 500 triệu USD, giảm 50% so CK.

+ Quý II, sau khi tình hình dịch bệnh ổn định, phương án tổ chức xét nghiệm và vận chuyển hàng hóa, cho phép lái xe điều khiển phương tiện qua cửa khẩu được hai Bên thống nhất. Hoạt động thông quan, xuất nhập khẩu hàng hóa thuận lợi.

+ Sang quý III, hai bên cửa khẩu Lào Cai - Hà Khẩu khôi phục lại hoạt động giao thương hoàn toàn bình thường như giai đoạn trước dịch bệnh và cửa khẩu đường sắt phía Hà Khẩu (Trung Quốc) được đưa vào danh mục các cửa khẩu chỉ định nhập khẩu nông sản, trái cây từ Việt Nam thì giá trị xuất nhập khẩu có thể tăng trưởng cao (*do thời gian dài hoạt động thông quan có những hạn chế nhất định*) dự báo trung bình hàng tháng có thể đạt khoảng 420 triệu USD/tháng.

- Du lịch, lưu trú, ăn uống...: Do dịch cơ bản đã được khống chế, không còn diễn biến quá phức tạp nên trong dịp cận Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 các hoạt động du lịch trong dịp Tết cơ bản đã được khôi phục trở lại. Lượng khách du lịch đến địa bàn dự báo sẽ tăng cao so với năm 2021 vào các dịp các dịp nghỉ Lễ 30/4, 01/5, 02/9, 20/10.

- Thu NSNN: Do cơ bản các ngành kinh tế đều được phục hồi, tăng trưởng cao so với năm 2021 nên thu ngân sách của tỉnh cũng đạt khá, dự kiến tăng trưởng khoảng 11% (riêng thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng trưởng khoảng trên 7%).

- Các ngành dịch vụ khác như y tế, giáo dục, vui chơi giải trí bị cơ bản được phục hồi, doanh thu tăng. Các hoạt động hành chính, quản lý nhà nước và các ngành dịch vụ khác hoạt động bình thường.

2.2. Dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế

Theo tính toán khả năng các mục tiêu, chỉ tiêu của tỉnh đạt được trong năm 2022 theo kịch bản này như sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt **12,11%**; trong đó: ngành nông lâm nghiệp thủy sản tăng **5,26%**; công nghiệp - xây dựng tăng **17,55%**; trong đó:

công nghiệp tăng **18,95%**; xây dựng tăng **13,17%**, dịch vụ tăng **9,69%** thuế sản phẩm tăng **7,64%**.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 333.825 tấn, bằng 99,19% so năm 2021.

- Tổng sản lượng thịt hơi ước đạt 70.000 tấn, tăng 6,39% so năm 2021.

- Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản ước đạt 88 triệu đồng, tăng 4,76% so năm 2021.

- Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh 2010 đạt 47.557 tỷ đồng, tăng 15,4% so năm 2021, **tăng 1.557 tỷ đồng so KH 2022.**

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 50.000 tỷ đồng, tăng 24,84% so năm 2021, **tăng 5.000 tỷ đồng so với KH 2022 đã giao.**

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 31.000 tỷ đồng, tăng 12,2% so năm 2021, **tăng 300 tỷ đồng so KH 2022 đã giao.**

- Tổng lượng khách du lịch ước đạt 4.000 nghìn lượt khách, tăng 2,84 lần so năm 2021.

- Tổng doanh thu du lịch ước đạt 15.508 tỷ đồng, tăng 3,5 lần so năm 2021.

- Giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu ước đạt 4,44 tỷ USD, tăng 26,7% so năm 2021.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 11.000 tỷ đồng, tăng **10,62%** so năm 2021, **tăng 1.500 tỷ đồng so KH 2022 đã giao.** Trong đó, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 3.338,5 tỷ đồng, tăng 7,64% so với cùng kỳ năm 2021.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH TRONG NĂM 2022

Để đạt các mục tiêu trên, UBND tỉnh yêu cầu các sở ngành, địa phương quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

1. Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các biện pháp, chủ động phòng, chống dịch bệnh, kiểm soát không để dịch bệnh lây lan và phát sinh trên địa bàn tỉnh; chú trọng truyền thông, khuyến cáo cách phòng, chống dịch bệnh nhằm nâng cao hiểu biết, ổn định tâm lý của người dân; đấu tranh quyết liệt với những thông tin thất thiệt, thiếu chính xác, nhất là trên môi trường mạng để củng cố niềm tin, tạo đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh tổng hợp, đồng lòng, tham gia phòng, chống, kiểm soát thành công dịch bệnh.

2. Tập trung hỗ trợ khôi phục sản xuất, thực hiện đồng bộ, linh hoạt các chính sách, giải pháp để kích thích sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Cụ thể:

2.1. Đối với ngành nông nghiệp:

- Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế nông nghiệp để nhân dân tích cực tham gia vào các hoạt động sản xuất mở rộng

diện tích, thâm canh tăng vụ; tăng cường thu hút doanh nghiệp vào đầu tư chế biến các sản phẩm như chuối, dứa, dược liệu, quế để làm động lực thúc đẩy người dân tham gia.

- Về sản xuất lương thực, chỉ đạo cấy hết diện tích để đạt **333.825** tấn lương thực có hạt đảm bảo được an ninh lương thực. Tập trung chỉ đạo phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực:

+ Cây chè: tăng cường các biện pháp thâm canh để tăng năng suất từ 7,7 tấn lên 8,5 tấn/ha tập trung tại các vùng chè Mường Khương bảo yên; tiếp tục phát triển các vùng chè đạt tiêu chuẩn hữu cơ tại Bắc hà, chè cổ thụ, chè chất lượng cao, để nâng cao giá trị (đối với các loại chè này giá từ 17-20 nghìn/kg tươi); tập trung trồng mới 860 ha chè tại Mường Khương; Nâng cấp công xuất chế biến chè của Công ty Đại Hưng đảm bảo đáp ứng liên kết tiêu thụ cho vùng chè Bảo Yên, thu hút thêm 1 cơ sở chế biến tại xã Bản Sen - Mường Khương.

+ Cây chuối: Tập trung chỉ đạo trồng mới 430 ha đồng thời đẩy mạnh các biện pháp kỹ thuật tại vùng chuối huyện Mường Khương, Bát Xát, Bảo Thắng để nâng năng suất chuối từ 20,5 tấn/ha lên 22 tấn/ha.

+ Cây dứa: Tập trung đẩy mạnh liên kết, tiêu thụ sản phẩm; chỉ đạo trồng mới 280 ha; tập trung áp dụng các biện pháp về giống, thâm canh để tăng năng suất đạt 24 tấn/ha tập trung tại huyện Mường Khương, Bảo Thắng.

+ Cây quế: Tập trung trồng mới 4.100 ha; Tăng cường thu hoạch cành, lá để đảm bảo nguyên liệu chế biến đạt 400 tấn tinh dầu; phát triển thêm 1-2 xưởng chế biến tinh dầu để tăng thêm 75 tấn tinh dầu so với năm 2021.

+ Kinh tế đồi rừng: Tích cực thực hiện công tác trồng rừng, nâng cao chất lượng rừng, phấn đấu sản lượng khai thác gỗ tròn đạt 140.000 m³, tăng 6.800 m³ so năm 2021, măng tươi tăng thêm 600 tấn so với năm 2021...

+ Về phát triển đàn lợn: Tập trung chăm sóc, tái đàn, phòng chống dịch bệnh để sản lượng tăng 1.713 tấn thịt hơi.

- Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với thị trường, sản xuất hàng hóa; xây dựng các tiêu chuẩn hữu cơ, GACP - WHO, VietGAP; xác nhận vùng trồng xuất khẩu; lấy mục tiêu giá trị thu nhập/01 ha diện tích canh tác để đánh giá hiệu quả sản xuất nông nghiệp; định hướng phát triển trọng tâm, trọng điểm, khai thác hiệu quả lợi thế địa phương, phát triển các cây, con chủ lực để nâng cao giá trị, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa; tăng cường chỉ đạo mở rộng sản xuất các loại cây trồng đảm bảo đạt và vượt kế hoạch giao về diện tích, năng suất, sản lượng.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp, kinh tế đồi rừng gắn với quản lý bảo vệ rừng bền vững; phấn đấu năm 2022 trồng mới 6.000 ha rừng sản xuất, nâng tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh đạt 57,7%. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trồng rừng sản xuất ở vùng thấp; thay thế diện tích cây trồng kém hiệu quả bằng trồng cây lâm nghiệp đa mục đích; chú trọng thâm canh rừng gắn với khai thác lâm sản ngoài gỗ; xây dựng phương án quản lý rừng bền vững để gia tăng giá trị hàng

lâm sản. Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, tín chỉ Các bon rừng... để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển.

- Đẩy mạnh phát triển, nâng cao năng lực quản lý Hợp tác xã, phát triển các tổ hợp tác để liên kết với các doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất hàng hóa; khuyến khích phát triển các Tổ hợp tác, Hợp tác xã nông lâm nghiệp, chế biến sâu nông lâm sản nâng giá trị thu nhập; đào tạo nghề cho nông dân...

- Khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; thí điểm thực hiện cơ chế giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất thu hút đầu tư xây dựng dự án chế biến nông, lâm, thủy sản. Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực của tỉnh; coi trọng phát triển thị trường trong nước nhất là các khu du lịch, đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư lớn tiêu thụ các sản phẩm tươi sống, sản phẩm chất lượng cao; mở rộng thị trường xuất khẩu đối với các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm chè, chuối, dưa, quế, chế biến lâm sản.

- Phối hợp với các địa phương tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp cận, được thụ hưởng các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hiện hành, đặc biệt là chính sách tại Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 và Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai về bổ sung Điều 16 quy định kèm theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh.

2.2. Đối với ngành công nghiệp:

Đối với mục tiêu Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh 2010 được xác định phải đạt trên **47.500 tỷ đồng**, do vậy yêu cầu ngành Công Thương:

- Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch và đầu tư các khu, cụm công nghiệp trong đó: triển khai quy hoạch các khu công nghiệp: Cốc Mỳ, Võ Lao; triển khai quy hoạch và thu hút đầu tư khu công nghiệp gia công chế biến Bản Qua; đẩy mạnh quy hoạch các cụm công nghiệp tại các huyện, thị xã, thành phố, chú trọng thu hút đầu tư của doanh nghiệp tại các cụm công nghiệp có lợi thế (Thống Nhất – TP Lào Cai, TT Bát Xát).

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 157-KH/TU ngày 24/7/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, tập trung chỉ đạo phát triển chế biến sâu các sản phẩm từ kim loại đồng, thép, hóa chất cơ bản; ưu tiên, hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến nông lâm sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm phục vụ khách du lịch. Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh.

- Bám sát tình hình hoạt động của các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn, định hướng phát triển phù hợp, uốn nắn điều chỉnh các sai sót vi phạm và kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc để duy trì năng lực sản xuất đóng góp ổn định vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh, cụ thể như: (1) Nhiệm vụ quan trọng trước mắt là tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp (Công ty TNHH MTV

khoáng sản và luyện kim Việt Trung; DAP số 2, Apatit, nguyên liệu cho các nhà máy hóa chất) và tham mưu đề xuất giải pháp nâng cao sản lượng của một số sản phẩm công nghiệp chính để đảm bảo duy trì sản xuất ổn định chớp lấy thời cơ về giá bán sản phẩm đang ở mức cao. (2) Bổ sung thêm nguồn nguyên liệu quặng phục vụ cho các nhà máy chế biến, đẩy nhanh tiến độ các dự án khai thác chế biến; (3) Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực tuyển quặng apatit 2, 4 trữ lượng còn lớn; đề xuất điều chỉnh quy hoạch thăm dò khai thác chế biến quặng apatit từ khu vực dự trữ quốc gia; điều chỉnh bổ sung quy hoạch thăm dò khai thác quặng đồng.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án công nghiệp: Dự án Khai thác – chế biến Graphit Nậm Thi; Dự án Khai thác – chế biến Graphit Bảo Hà; Dự án nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện công nghệ cao; Dự án Trung tâm nghiên cứu, sản xuất giống và chế biến dược liệu Vitamec Lào Cai; Dự án nhà máy sản xuất hàng may, thêu xuất khẩu; Dự án chế biến rác thải rắn tập trung... Khuyến khích Công ty Hóa chất Đức Giang nghiên cứu triển khai thêm các dự án chế biến sâu từ hóa chất cơ bản để tạo ra sản phẩm cho tiêu dùng (chất tẩy rửa, dược phẩm...).

- Kiến nghị Bộ Công Thương: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nội dung tại Thông báo kết luận số 148/TB-BCT ngày 20/7/2020 về kết luận của Bộ trưởng Bộ Công thương tại buổi làm việc với Lãnh đạo tỉnh Lào Cai ngày 14/7/2020; Đề nghị ngành điện đẩy nhanh tiến độ đầu tư lưới điện 500kV, 220kV, 110kV để đáp ứng nhu cầu năng lượng và giải tỏa công suất cho các nhà máy thủy điện; xem xét bổ sung quy hoạch đầu nối các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Đôn đốc công trình sớm vào hoạt động, gồm có: Nhà máy Graphit Nậm Thi; Đôn đốc để các dự án thủy điện Móng Sến (6MW), Bảo Nhai 2 (14,5MW), Suối Chút 1 (7MW), Nậm Sài (19MW), Mây Hồ (6MW) hoàn thành năm 2022 sớm đi vào hoạt động.

2.3. Đối với ngành xây dựng:

- Tập trung hoàn thiện và triển khai các quy hoạch như: Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Sa Pa, tỉnh Lào Cai, đến năm 2030; Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Trung tâm huyện Mường Khương, Quy hoạch chung dọc tuyến sông Hồng, các quy hoạch phân khu thuộc Quy hoạch chung đô thị du lịch Y Tý...

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm: (1) Đường nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến thị trấn Sa Pa, tỉnh Lào Cai; (2) Cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 156 đoạn Kim Thành - Ngòi Phát; Tỉnh lộ 151 đoạn từ ngã ba Xuân Giao đến đường Quý Xa - Tầng Loỏng; (3) Nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường từ xã Xuân Giao (nút giao IC17- đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai) đến thị xã Sa Pa (nút giao Violet); (4) Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn huyện Bắc Hà - tỉnh Lào Cai, vay vốn Quỹ Cô-ôét; (5) Triển khai xây dựng hệ thống đường GTNT theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại 127 xã trong tỉnh; (6) Đầu tư xây dựng các công trình: Hạ tầng kỹ thuật, Trụ sở làm việc các cơ quan hành chính huyện Sa Pa; Phân hiệu Đại học Thái Nguyên

(giai đoạn 2); Trường PTDT nội trú tỉnh;... (7) Xây dựng mới Công viên trung tâm tại phường Bình Minh, thành phố Lào Cai; (8) Xây mới cầu Làng Giàng,...(9) Tập trung hoàn thiện thủ tục đầu tư để triển khai xây dựng Cảng Hàng không Sa Pa.

- Về đầu tư xây dựng các dự án ngoài ngân sách, các sở, ngành, địa phương tích cực, chủ động:

+ Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư cũng như tham mưu UBND tỉnh đẩy nhanh tiến độ triển khai các thủ tục pháp lý liên quan đến các dự án như cam kết giữa UBND tỉnh với các doanh nghiệp, nhà đầu tư tại Hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch tỉnh Lào Cai năm 2022. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai các dự án.

+ Hỗ trợ, tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận gói hỗ trợ tín dụng của Chính phủ để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án lớn trên địa bàn tỉnh.

2.4. Đối với các ngành dịch vụ

(1) *Ngành du lịch*: Tiếp tục triển khai các chương trình kích cầu, các hoạt động xúc tiến, quảng bá thu hút khách du lịch nội địa, quốc tế. Ưu tiên tập trung khai thác thị trường khách du lịch nội địa, đồng thời chuẩn bị tốt các điều kiện sẵn sàng đón khách du lịch quốc tế.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và địa phương thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 27/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp cận Chính sách Hỗ trợ phát triển du lịch tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 09/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Tham mưu cho UBND tỉnh và tổ chức khảo sát, điều tra, phân loại đánh giá, tổng hợp các nguồn tài nguyên du lịch để làm cơ sở hoạch định chủ trương, chính sách phát triển du lịch, thu hút đầu tư.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá và xúc tiến du lịch thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: duy trì kết nối thường xuyên, liên tục với các thị trường khách du lịch và đẩy mạnh hoạt động truyền thông về du lịch Lào Cai qua nền tảng số, các phương tiện truyền thông.

- Triển khai việc mở rộng Khu du lịch Quốc gia Sa Pa kết nối sang Y Tý (Bát Xát); xây dựng các tiêu chí đạt chuẩn du lịch ASEAN. Tổ chức quy hoạch di tích danh thắng Ruộng bậc thang Sa Pa. Phổ biến và triển khai 7 tiêu chí "Thành phố du lịch sạch ASEAN" trong quản lý Khu du lịch Quốc gia Sa Pa. Tiếp tục đầu tư, thu hút đầu tư và đưa vào khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ phát triển Khu du lịch quốc gia Sa Pa.

- Xây dựng Chương trình kích cầu tạo hiệu ứng lan tỏa, thu hút khách du lịch. Thực hiện xúc tiến du lịch tại các thị trường du lịch trọng điểm như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng,.....

- Phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng, riêng có của Lào Cai có sự tăng trưởng khách nhanh và lớn về quy mô:

+ Nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô, tăng tần suất sản phẩm du lịch đặc thù, riêng có của Lào Cai như: Chợ tình Sa Pa, Festival Cao nguyên trắng Bắc Hà, Festival tinh hoa Tây Bắc.

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch tâm linh; khẩn trương xây dựng và đưa vào khai thác sản phẩm du lịch tâm linh mới: Bảo Hà – Đền Thượng – Lũng Pô – Fansipan.

+ Tiếp tục phát triển dòng sản phẩm du lịch thể thao: Giải Maraton vượt núi quốc tế VMM; giải việt dã vì sức khỏe mọi người; tổ chức các hoạt động thể thao gắn với du lịch.

+ Xây dựng sản phẩm du lịch lễ hội: Trong năm 2022, tổ chức Festival – Tinh hoa Tây Bắc – Lào Cai. Đồng thời, định hướng tổ chức lễ hội theo hướng giảm loại hình lễ hội theo nghi lễ truyền thống, tăng lễ hội phục vụ khách du lịch (có tính đến việc mở rộng quy mô đối với các lễ hội này).

+ Khảo sát, xây dựng sản phẩm Tour du lịch đô thị tại thành phố Lào Cai với các sản phẩm cụ thể như: sản phẩm du lịch vui chơi giải trí; du lịch đêm; du lịch mua sắm; MICE¹; tìm hiểu và khám phá các di tích văn hóa, lịch sử, bảo tàng, nhà du lịch.

- Mở rộng không gian du lịch của tỉnh, thu hút đa dạng dòng khách du lịch đến Lào Cai: Đẩy mạnh mở rộng không gian du lịch sang Bát Xát để thu hút các dòng khách yêu thích du lịch mạo hiểm, khám phá thiên nhiên; Bảo Yên thu hút khách du lịch có nhu cầu chiêm bái tâm linh; Bắc Hà – Si Ma Cai thu hút khách có nhu cầu du lịch văn hóa chợ phiên, lễ hội, nghỉ dưỡng,...

- Thực hiện hợp tác 5 tỉnh hành lang kinh tế Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh và trong nhóm công tác liên hợp giữa các tỉnh biên giới Việt Nam (Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); hợp tác với Vùng Nouvelle Aquitaine (Pháp); hợp tác với TP Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác...; Tổ chức và đón các đoàn FAMTRIP và MEDIATRIP đến xúc tiến điểm đến và quảng bá du lịch.

- Kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch cấp tỉnh (Sở Du lịch), Hiệp hội du lịch tỉnh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham mưu công tác quản lý nhà nước về du lịch các cấp; đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tạo môi trường an toàn, thân thiện, ứng xử văn minh với khách du lịch,...

¹ MICE (viết tắt của Meeting Incentive Conference Event) là loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện, du lịch khen thưởng.

(2) Hoạt động xuất nhập khẩu:

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và địa phương thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Đề xuất hình thành bổ scác điểm thông quan của cửa khẩu quốc tế đường bộ số 2 Kim Thành; các cặp chợ biên giới. Đề xuất nâng cao năng lực của vận tải đường sắt và đề nghị phía Trung Quốc thống nhất thực hiện xuất nhập khẩu nông sản bằng đường sắt.

- Đẩy mạnh công tác thông tin về cơ chế chính sách, thông tin thị trường của phía Trung Quốc để cung cấp cho doanh nghiệp để chủ động điều tiết trong hoạt động kinh doanh. Triển khai trao đổi hội đàm với phía Trung Quốc bằng nhiều cấp độ, cách thức khác nhau để kịp thời tháo gỡ khó khăn, những ách tắc trong giao thương hàng hóa tại cửa khẩu. Tuyên truyền, vận động doanh nghiệp thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu tỉnh Lào Cai.

- Tham mưu triển khai các nội dung Biên bản Hội đàm hợp tác kinh tế, thương mại giữa tỉnh Lào Cai (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Theo dõi, đề xuất biện pháp cải thiện tình trạng ùn ứ hàng hóa tại các cửa khẩu; Tích cực đẩy nhanh tiến độ thiết lập các cặp chợ biên giới. Duy trì và nâng cao chất lượng của công tác luân phiên phối hợp tổ chức Hội chợ thương mại quốc tế Việt – Trung; phát huy hiệu quả của dự án Trung tâm xúc tiến thương mại và chợ biên giới.

- Hỗ trợ liên kết hoạt động logistics của các doanh nghiệp Việt Nam và Trung Quốc, phát huy vai trò tuyến đường sắt liên vận quốc tế đa phương thức Trung Quốc - Asean năm 2021 Trung tâm đã kết nối khai thông. Tìm hiểu kết nối nguồn hàng quá cảnh từ Trung Quốc sang nước thứ 3 qua cửa khẩu Quốc tế Lào Cai và ngược lại.

- Triển khai có hiệu quả Đề án về phát triển dịch vụ, kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai; Đề án thành phần phát triển dịch vụ Logistics đến năm 2025, tầm nhìn 2035; Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử năm 2022;...

- Sớm triển khai xây dựng Cầu đường bộ qua sông Hồng thuộc khu vực biên giới Bát Xát (Việt Nam) – Bá Sái (Trung Quốc) và hình thành cửa khẩu song phương tại Bản Vược để giảm tải cho cửa khẩu đường bộ số II Kim Thành.

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu trong đó tập trung vào đường giao thông kết nối giữa cửa khẩu quốc tế đường bộ số 2 Kim Thành với Bản Vược, hạ tầng khu cửa khẩu phụ Bản Vược, bãi kiểm hóa, hạ tầng các cửa khẩu.

Sở Ngoại vụ tham mưu tổ chức hội đàm cấp tỉnh giữa UBND tỉnh Lào Cai và Chính quyền nhân dân tỉnh Vân Nam, Trung Quốc nhằm tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc và triển khai một số nội dung hợp tác nhằm đẩy mạnh hoạt động giao thương giữa hai bên qua các cặp cửa khẩu quốc tế.

Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án điều hành phương tiện xuất nhập cảnh mới và trao đổi với phía Trung Quốc để triển khai thực hiện. Phối hợp triển khai có hiệu quả "Luồng ưu

tiên" thông quan đối với các mặt hàng nông sản xuất nhập khẩu của hai Bên qua cặp cửa khẩu quốc tế đường bộ số II Kim Thành – Bắc Sơn.

(3) Đối với thương mại nội địa:

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và địa phương thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí nâng cao chất lượng tại khu vực nông thôn; thu hút đầu tư và đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án chợ tại đô thị; hỗ trợ đầu tư chợ nông thôn, trong đó tập trung đầu tư tại các xã đăng ký hoàn thành NTM.

- Lựa chọn phát triển các mặt hàng có lợi thế, tăng cường sản xuất những sản phẩm mới có giá trị cao và sản lượng đủ lớn để trở thành sản xuất hàng hóa tập trung đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại tỉnh, trong nước và định hướng để XK.

- Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, du lịch, bưu chính viễn thông, văn hóa..., quan tâm phát triển đến khu vực vùng sâu, vùng xa nhằm phát triển đồng bộ hệ thống phân phối và hệ thống hạ tầng thương mại phù hợp với quy mô ngày càng hiện đại và cho định hướng các giai đoạn tiếp theo.

- Xây dựng các cơ chế chính sách phù hợp với thực tiễn để thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư phát triển hạ tầng thương mại theo hướng văn minh, hiện đại.

- Dành quỹ đất để các doanh nghiệp đầu tư phát triển siêu thị, trung tâm thương mại tại khu vực đô thị.

2.5. Về thu, chi ngân sách nhà nước:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Cục Hải quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung triển khai đồng loạt các giải pháp đảm bảo hoàn thành mục tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh **11.000 tỷ đồng** (theo Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2022), qua đó triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời tiếp tục phát huy các lợi thế, thế mạnh phấn đấu, nỗ lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả các giải pháp miễn, giảm, giãn thuế và các khoản thu ngân sách theo quy định; đồng thời, đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kết hợp với các biện pháp hỗ trợ khác nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, thu hút các nguồn vốn đầu tư mới, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, từ đó quyết tâm hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo dự toán HĐND tỉnh nghị quyết.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ trong quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế.

- Quản lý chặt chẽ các khoản thu, nhất là thu qua hình thức khoán; mở rộng cơ sở thuế (kể cả đối tượng và căn cứ tính thuế); kiểm soát chặt chẽ giá tính thuế hải quan, nhất là những mặt hàng có giá trị lớn, thuế suất cao như hàng tạm nhập tái xuất,...

- Tạo mọi điều kiện để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, nhất là khu vực doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực tư nhân; hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, dịch vụ thông qua phát triển các công cụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Đẩy mạnh công tác thông tin và truyền thông. Kịp thời cung cấp thông tin chính thống, công khai, minh bạch, khách quan về kết quả công tác phòng, chống dịch Covid- 19 của Việt Nam và của tỉnh Lào Cai; đẩy mạnh tuyên truyền các giải pháp của Chính phủ, các bộ, ngành và của tỉnh trong việc chủ động, đồng bộ, quyết liệt phòng chống, ứng phó với diễn biến của dịch và tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, sức khỏe và đời sống của nhân dân.

Trên đây là kế hoạch thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh Lào Cai năm 2022 của UBND tỉnh. /

Nơi nhận:

- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Các đơn vị: Cục Thống kê tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh; Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TH4.

Trần

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường

Biểu 1

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH LÀO CAI NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số 44 /KH-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021 (TCTK công bố lần 2)	Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2022	So sánh (%)
I	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)				
1	GRDP theo giá so sánh	Triệu đồng	33.643.485	37.716.779	112,11
	- Nông, lâm nghiệp & Thủy sản	"	4.728.376	4.977.089	105,26
	- Công nghiệp, xây dựng	"	13.834.574	16.261.992	117,55
	Trong đó: Công nghiệp	"	10.467.900	12.451.854	118,95
	Xây dựng		3.366.674	3.810.137	113,17
	- Dịch vụ	"	11.978.982	13.139.186	109,69
	- Thuế sản phẩm	"	3.101.554	3.338.512	107,64
2	Tốc độ phát triển GRDP theo giá SS2010	%	105,33	112,11	6,78
	- Nông, lâm nghiệp & Thủy sản	"	105,69	105,26	(0,43)
	- Công nghiệp, xây dựng	"	106,36	117,55	11,18
	Trong đó: Công nghiệp	"	107,11	118,95	11,84
	Xây dựng		104,10	113,17	9,07
	- Dịch vụ	"	103,83	109,69	5,86
	- Thuế sản phẩm	"	106,09	107,64	1,55
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá HH	Triệu đồng	62.703.307	70.004.434	111,64

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021 (TCTK công bố lần 2)	Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2022	So sánh (%)
	- Nông, lâm nghiệp & Thủy sản	"	8.637.654	9.314.414	107,83
	- Công nghiệp, xây dựng	"	27.480.608	31.755.554	115,56
	Trong đó: Công nghiệp	"	22.403.904	26.096.044	116,48
	Xây dựng		5.076.704	5.659.510	111,48
	- Dịch vụ	"	20.848.774	22.746.177	109,10
	- Thuế sản phẩm	"	5.736.270	6.188.289	107,88
4	Cơ cấu GRDP	%	100,00	100,00	
	- Nông, lâm nghiệp & Thủy sản	"	13,78	13,31	(0,47)
	- Công nghiệp, xây dựng	"	43,83	45,36	1,54
	Trong đó: Công nghiệp	"	35,73	37,28	1,55
	Xây dựng		8,10	8,08	(0,01)
	- Dịch vụ	"	33,25	32,49	(0,76)
	- Thuế sản phẩm	"	9,15	8,84	(0,31)
II	GRDP bình quân đầu người	Trđ/người/năm	82,39	90,93	110,37
III	Dân số trung bình	Người	761.090	769.853	101,15



Biểu 2

CÁC CHỈ TIÊU CÁC NGÀNH KINH TẾ NĂM 2022 THEO MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số M7/KH-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)



TT	 Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Mục tiêu năm 2022					
				Kế hoạch năm(**)	Dự kiến TH Quý I(*)	Mục tiêu 6 tháng(*)	Mục tiêu 9 tháng(*)	Mục tiêu cả năm	Mục tiêu cả năm 2022 so với TH 2021
I	Ngành Nông nghiệp								
1	Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	8.415,329		1.900	4.160	7.185	8.857,574	105.255
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	336.568	332.625	0	99.112	233.513	333.825	99,19
3	Sản lượng thịt hơi	Tấn	65.795	65.000	18.500	35.000	52.500	67.700	102,90
4	Giá trị sản phẩm thu hoạch/ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng/ha	84	88				88	104,76
II	Ngành Công thương								
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (Giá SS 2010)	Tỷ đồng	41.206	46.000	9.271	22.732	36.096	47.557	115,4
2	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	27.638,9	30.700,0	7.152,8	15.000,0	22.900,0	31.000,0	112,2
3	Giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu	Tr.USD	3.503,2	4.400,0	481,3	1.920,0	3.180,0	4.440,0	126,7
III	Ngành Giao thông vận tải - Xây dựng								
1	Lượt xe khách xuất bến	1000 lượt xe	95,28	130,00	22,75	58,50	100,43	146,25	153,49
2	Lượt hành khách xuất bến	1000 lượt khách	586,18	1.365,00	238,88	614,25	1.054,46	1.535,63	261,97
IV	Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch								

1	Số lượt khách du lịch	1000 lượt khách	1.406	4.000	480,5	2.000	3.200	4.000	284,50
2	Doanh thu dịch vụ du lịch	Tỷ đồng	4.440	15.130	1.711	7.565	12.104	15.130	340,77
V	Ngành Tài chính								
1	Thu ngân sách	Tỷ đồng	9.944,2	9.500,0	2.300,4	4.590,8	6.791,2	11.000,0	110,62



Ghi chú: (*) Chỉ tiêu dự báo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, không mang tính pháp lệnh, có thể được cập nhật, điều chỉnh phụ thuộc vào diễn biến thực tế của nền
 (**) Kế hoạch năm được giao tại Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh.

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số MP/KH-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT		Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Mục tiêu năm 2022				
				Kế hoạch năm(**)	Dự kiến TH Quý I ^(*)	Mục tiêu 6 tháng ^(*)	Mục tiêu 9 tháng ^(*)	Mục tiêu cả năm
A	Các chỉ tiêu tổng quát							Mục tiêu cả năm 2022 so với TH 2021
1	Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	8.415,329		1.900	4.160	7.185	8.857,574
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	336.568	332.625	0	99.112	233.513	333.825
3	Sản lượng thịt hơi	Tấn	65.795	65.000	18.500	35.000	52.500	67.700
4	Giá trị sản phẩm thu hoạch/ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng/ha	84	88				88
5	Tỷ lệ che phủ rừng	%	56,8	57,7	57,1	57,3	57,5	57,7
B	Các chỉ tiêu cụ thể							
I	Về nông nghiệp							
1	Diện tích cây lúa cả năm	Ha	33.747	33.170	10.000	23.170	33.170	33.170
2	Diện tích cây ngô cả năm	Ha	36.409	34.056	14.600	19.456	34.056	34.056
3	Diện tích chè tập trung	Ha	6.357	7.224	6.357	6.357	6.357	7.046
-	Diện tích chè kinh doanh	Ha	4.789	4.789	4.789	4.789	4.789	4.789
-	Diện tích trồng chè mới CLC	Ha	579	860	0	0	0	860
4	Sản lượng thóc	Tấn	183.138	183.913	0	55.446	128.467	183.913
-	Năng suất lúa	Tạ/ha	54	55				
5	Sản lượng ngô	Tấn	153.430	148.712	0	43.667	105.045	149.912
-	Năng suất ngô	Tạ/ha	42	44				

TT		Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Mục tiêu năm 2022					
				Kế hoạch năm(**)	Dự kiến TH Quý I ^(*)	Mục tiêu 6 tháng ^(*)	Mục tiêu 9 tháng ^(*)	Mục tiêu cả năm	Mục tiêu cả năm 2022 so với TH 2021
6	Sản lượng chế biến bưởi tươi	Tấn	34.505	39.150	7.830	11.745	19.575	43.065	124,81
II Về lâm nghiệp									
1	Diện tích bảo vệ rừng	Ha	276.702	276.525	276.525	276.525	276.525	276.525	99,94
2	Trồng mới rừng sản xuất	Ha	7.532	5.450	3.500	3.500	4.200	6.000	79,66
3	Trồng cây phân tán	1000 cây	2.211	2.000	1.300	1.300	1.600	2.300	104,04
4	Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh	Ha	5.000	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	88,00
-	Khoanh nuôi mới	Ha	2.450	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	55,10
-	Khoanh nuôi chuyển tiếp	Ha	2.550	3.050	3.050	3.050	3.050	3.050	119,61
III Về chăn nuôi- thủy sản									
1	Tổng đàn gia súc	Con	570.800	625.000	580.000	600.000	620.000	630.000	110,37
2	Tổng đàn gia cầm	1000 con	4.925	5.000	4.800	4.900	5.000	5.200	105,58
3	Diện tích nuôi trồng TS trên ao, hồ nhỏ	Ha	2.185	2.250	2.025	2.125	2.225	2.275	104,12
4	Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	65.795	65.000	18.500	35.000	52.500	67.700	102,90
5	Sản lượng thủy sản các loại	Tấn	10.500	11.200	3.000	5.800	8.900	11.850	112,86

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu dự báo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, không mang tính pháp lệnh, có thể được cập nhật, điều chỉnh phụ thuộc vào diễn biến thực tế của nền kinh tế.

(**) Kế hoạch năm được giao tại Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh.

Biểu 2.2

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	 Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Mục tiêu năm 2022					Mục tiêu ca năm 2022 so với TH 2021 (%)
				Kế hoạch năm	Dự kiến TH Quý I ^(*)	Mục tiêu 6 tháng ^(*)	Mục tiêu 9 tháng ^(*)	Mục tiêu cả năm 2022	
I	Giá trị sản xuất công nghiệp (Giá SS 2010)	Tỷ đồng	41.206	46.000	9.270,5	22.732	36.096	47.557	115,4
	Theo ngành kinh tế	Tỷ đồng	41.206	46.000	9.270,5	22.732	36.096	47.557	115,4
	Khai khoáng	Tỷ đồng	2.690	2.730	511,7	1.402	2.227	2.934	109,1
	Công nghiệp chế biến chế tạo	Tỷ đồng	30.034	34.400	6.946,8	17.090	27.137	35.754	119,0
	Sản xuất, phân phối điện	Tỷ đồng	8.262,7	8.650,0	1.763,4	4.135	6.565	8.650	104,7
	Công nghiệp cung cấp nước, quản lý rác thải	Tỷ đồng	220	220	48,6	105	167	220	100,0
	Trong đó: Giá trị sản xuất tiêu thụ công nghiệp (giá SS 2010)	Tỷ đồng	3.355,6	3.700,0	839,8	1.816	2.884	3.800	113,2
	Một số sản phẩm chủ yếu								
	Khai khoáng								
	1	Quặng Apatit các loại	Tấn	4.140.262	4.600.000	721.187	2.198.800	3.491.400	4.600.000
2	Tinh quặng đồng	Tấn	122.502	120.000	16.683	71.700	113.850	150.000	122,4
3	Tinh quặng sắt (Manhetit)	Tấn	158.973	180.000	23.790	95.600	151.800	200.000	125,8
4	Quặng sắt	Tấn	183.746	1.500.000	136.547	717.000	1.138.500	1.500.000	816,3
5	Fenspat nghiền	Tấn	61.748	100.000	18.975	47.800	75.900	100.000	161,9
6	Cao lanh	Tấn	247.937	180.000	45.647	143.400	227.700	300.000	121,0
	Phân bón, hóa chất								
7	Phân NPK	Tấn	157.385	180.000	30.218	86.040	136.620	180.000	114,4
8	Supelân	Tấn	254.167	260.000	40.062	124.280	197.340	260.000	102,3
9	Phân DAP (và MAP)	Tấn	252.650	340.000	27.360	162.520	258.060	340.000	134,6
10	Axit sulfuric	Tấn	534.020	170.000	60.841	81.260	129.030	170.000	31,8
11	Axit Photphoric	Tấn	401.884	320.000	32.792	157.740	250.470	330.000	82,1
12	Thức ăn gia súc DCP	Tấn	86.863	80.000	14.522	43.020	68.310	90.000	103,6

TT		Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Mục tiêu năm 2022					
				Kế hoạch năm	Dự kiến TH Quý I ^(*)	Mục tiêu 6 tháng ^(*)	Mục tiêu 9 tháng ^(*)	Mục tiêu cả năm 2022	Mục tiêu cả năm 2022 so với TH 2021 (%)
13	Phốt pho vàng <i>Luyện kim</i>	Tấn	128.224	120.000	30.221	57.360	91.080	120.000	93,6
17	Phôi thép	Tấn	280.836	500.000	65.108	239.000	379.500	500.000	178,0
18	Đồng Katốt	Tấn	22.077	30.000	8.208	16.730	26.565	35.000	158,5
19	Vàng	kg	803	1.500	287	765	1.214	1.600	199,3
20	Bạc	kg	804	1.500	383	765	1.214	1.600	199,0
	<i>Vật liệu xây dựng</i>								
21	Gạch xây dựng	1000v	297.857	300.000	62.928	143.400	227.700	300.000	100,7
22	Đá xây dựng	m³	730.000		166.170	359.408	570.692	751.900	103,0
23	Cát, sỏi	m³	680.000		153.286	331.541	526.442	693.600	102,0
	<i>Nông lâm sản</i>								
24	Gỗ các loại	m³	30.902	33.000	4.700	15.774	25.047	33.000	106,8
25	Giấy đề	Tấn	389	1.000	0	478	759	1.000	257,1
26	Chè khô	Tấn	3.117	3.675	0	1.757	2.789	3.675	117,9
	<i>Công nghiệp nhẹ</i>								
27	Bia các loại	1000L	1.002	1.200	5	574	911	1.200	119,8
28	Trang in	Tr.trg	496	430	118	206	326	430	86,7
	<i>Điện nước, quản lý rác thải</i>								
29	Điện phát	Tr.kwh	4.306	4.410	781,3	21.080	33.472	44.100	1024,2
30	Điện thương phẩm	Tr.kwh	2.890	3.150	811,3	1.506	2.391	3.150	109,0
31	Nước máy	1000m³	23.937	25.000	3.909	11.950	18.975	25.000	104,4
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	27.638,9	30.700,0	7.152,8	15.000,0	22.900,0	31.000,0	112,2
III	Xuất nhập khẩu (Giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu)	Tr.USD	3.503,2	4.400,0	481,33	1.920,0	3.180,0	4.440,0	126,7
-	Xuất khẩu	Tr.USD	1.207,1	1.650,0	242,4	741,8	1.228,6	1.715,5	142,1
-	Nhập khẩu	Tr.USD	723,7	770,0	112,1	349,1	578,2	807,3	111,6



TT		Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Mục tiêu năm 2022					
				Kế hoạch năm	Dự kiến TH Quý I ^(*)	Mục tiêu 6 tháng ^(*)	Mục tiêu 9 tháng ^(*)	Mục tiêu cả năm 2022	Mục tiêu cả năm 2022 so với TH 2021 (%)
-	Các loại hình khác (đảm nhập tái xuất, chuyển khẩu, cư dân biên giới...)	Tr.USD	1.572,4	1.980,0	126,77	829,1	1.373,2	1.917,3	121,9
1	Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu								
-	Khoáng sản các loại	Tr.USD	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	-
-	Hàng nông sản	Tr.USD	513,3	900,0	38,7	308,0	462,0	615,9	120,0
-	Giày dép các loại	Tr.USD	2,8	4,0	0,0	1,7	2,5	3,3	120,0
-	Phốt pho vàng	Tr.USD	362,7	300,0	176,8	150,0	225,0	435,2	120,0
2	Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu								
-	Hàng nông sản	Tr.USD	176,1	150,0	35,4	75,0	110,4	211,3	120,0
-	Phân bón các loại	Tr.USD	198,3	210,0	34,1	105,0	157,5	237,9	120,0
-	Hóa chất các loại	Tr.USD	47,1	45,0	6,2	22,5	28,7	56,5	120,0
-	Sắt thép các loại	Tr.USD	6,6	6,5	0,0	3,3	4,9	7,9	119,3
-	Máy móc thiết bị	Tr.USD	36,3	43,0	5,2	21,5	32,3	43,5	119,9
-	Than cốc	Tr.USD	71,5	90,0	5,7	45,0	67,5	85,8	120,0
-	Điện	Tr.USD	7,5	10,0	0,0	5,0	7,5	8,9	119,5

Ghi chú: (*) Chi tiêu dự báo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, không mang tính pháp lệnh, có thể được cập nhật, điều chỉnh phụ thuộc vào diễn biến thực tế của nền kinh tế.

(**) Kế hoạch năm được giao tại Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh.

MỤC TIÊU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Chức năng

TT	 Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Mục tiêu năm 2022					
				Kế hoạch năm(**)	Dự kiến TH Quý I(*)	Mục tiêu 6 tháng(*)	Mục tiêu 9 tháng(*)	Mục tiêu cả năm	Mục tiêu cả năm 2022 so với TH 2021
	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	Tỷ đồng	9.944,2	9.500,0	2.300,4	4.590,8	6.791,2	11.000,0	110,62
	Trong đó: Thuế sản phẩm	Tỷ đồng	3.101,6	3.340,6	789,5	1.577,2	2.369,8	3.338,5	107,64
1	Thuế xuất khẩu	Tỷ đồng	456,0	432,5	96,2	192,4	288,6	420,7	92,26
2	Thuế nhập khẩu	Tỷ đồng	607,0	584,4	130,0	260,0	390,0	568,5	93,66
3	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	Tỷ đồng	1.973,3	2.215,5	530,3	1.058,8	1.592,2	2.301,9	116,65
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Tỷ đồng	26,6	138,7	33,0	66,0	99,0	139,3	522,82

- Thuế sản phẩm (bao gồm: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt).
- Thuế VAT bao gồm: VAT Khu vực DNNN Trung ương, Khu vực DNNN địa phương, Khu vực DN có vốn ĐTNN, Xổ số kiến thiết, Khu vực CTN và dịch vụ NQD, VAT hàng nhập khẩu.

(**) Kế hoạch năm được giao tại Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh.

Biểu 2.4

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG NGÀNH DU LỊCH, VẬN TẢI NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số 417 /KH-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT		Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Mục tiêu năm 2022						
					Kế hoạch năm(**)	Dự kiến TH Quý I(*)	Mục tiêu 6 tháng(*)	Mục tiêu 9 tháng(*)	Mục tiêu cả năm	Mục tiêu cả năm 2022 so với TH 2021	
I Du lịch											
1	Số lượt khách du lịch	1000 lượt khách	1.406	4.000	480,5	2.000	3.200	4.000	284,50		
	Trong đó: Thị xã Sa Pa	1000 lượt khách	635	2.500	232,2	1.200	1.920	2.800	440,94		
2	Doanh thu dịch vụ du lịch	Tỷ đồng	4.440	15.130	1.711	7.565	12.104	15.130	340,77		
	Trong đó: Thị xã Sa Pa	Tỷ đồng	1.947	7.100	826,6	3.650	5.920	7.952	408,42		
II Vận tải											
1	Lượt xe khách xuất bến	1000 lượt xe	95,28	130,00	22,75	58,50	100,43	146,25	153,49		
2	Lượt hành khách xuất bến	1000 lượt khách	586,18	1.365,00	238,88	614,25	1.054,46	1.535,63	261,97		

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu dự báo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, không mang tính pháp lệnh, có thể được cập nhật, điều chỉnh phụ thuộc vào diễn biến thực tế của nền kinh tế.

(**) Kế hoạch năm được giao tại Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh.